TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/HC-PT
Ngày 03– 4 – 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Chung Văn Kết

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Thới Ngọc Bắc – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 144/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2022/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 582/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Người* khởi kiện*:* Bà Cái Thị B, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy *quyền* của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh N; Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. Người bị *kiện*: - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

- Ủy ban nhân dân thành phố V;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị *kiện:* Ông Nguyễn Thế K - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường TP Vũng Tàu; Địa chỉ: Số 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. *Người* có *quyền lợi*, *nghĩa* vụ *liên quan:*

- Bà Văn Thị M, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Bà Văn Thị M chết ngày 08/9/2021;

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Văn Thị M gồm:

3.1. Cáp Thị Y, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Bắc 2, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa (chết ngày 18/5/2020); người thừa kế quyền và nghĩa vụ *tố* tụng của bà Cáp Thị Yến gồm:

- Anh La Thoại T, sinh năm 1982, 26/01
- Chị La Thị Thùy T, sinh năm 1993; 601
- Chị La Thị Thu T, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp Bắc 2, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2. Ông Cái Văn P; Sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3.3. Ông Cái Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã L, thành phố V.

3.4. Bà Cái Thị O, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố V.

3.5. Ông Cái Văn T1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 5, Thôn 1, xã L, thành phố V.

3.6. Ông Cái Văn H, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn 1**,** xã L, thành phố V.

3.7. Bà Cái Thị T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp Bắc 2, xã H, thành phố Bà Rịa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cái Thị T: Ông Vũ Quang Vinh-Luật sư và ông Trần Như Lực - Luật sư đều thuộc Văn phòng Luật sư Cường và cộng sự Chi nhánh Vũng Tàu - Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (có mặt)

3.8. Bà Cái Thị Đ; Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ 5, Thôn 1, xã L, thành phố V.

3.9. Bà Cái Thị T1; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ 21, Ô4, Ấp Bắc 2, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa.

3.10 Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Tổ 02, Thôn 1, xã L, thành phố V.

- *Người kháng cáo*: Bà Cái Thị T và Uỷ ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 12/3/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Văn bản số 1258/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà Cái Thị B, (gọi tắt là *Văn* bản số 1258) có nội dung: Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số M060056 ngày 19/5/1998 cho bà Văn Thị M thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, xã L, thành phố V trên cơ sở căn cứ vào hồ sơ địa chính (hồ sơ địa chính lập trên cơ sở các hộ kê khai đăng ký theo Biên bản phân chia đất gia tộc năm 1991) là đúng quy định pháp luật. Do vậy, bà Cái Thị B yêu cầu căn cứ vào Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 16/5/1998 để cắt trừ diện tích 4.000m trong GCNQSD đất của bà Văn Thị M để cấp cho bà Cái Thị B là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 24/3/2018 bà Cái Thị B khiếu nại Văn bản số 1258.

Ngày 08/5/2018, UBND thành phố V có Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 2399/TB-UBND.

UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8164/QĐ-*UBND* về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B, (gọi tắt là *Quyết định số 8164)* có nội dung: Bác khiếu nại của bà Cái Thị B, giữ nguyên Văn bản số 1258.

Ngày 20/3/2019, bà Cái Thị B có đơn khởi kiện về "hành vi không giải quyết khiếu nại của UBND thành phố V theo Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 2399/TB-*UBND* ngày 08/5/2018 của UBND thành phố V là trái pháp luật, và buộc Chủ tịch UBND thành phố V phải giải quyết khiếu nại của bà Cái Thị B theo quy định của pháp luật".

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Cái Thị B xác định lại yêu cầu *khởi kiện*:

Khởi kiện Quyết định 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B. Yêu cầu UBND thành phố V phải cấp GCNQSD đất theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 16/5/1998, theo đó phải điều chỉnh công nhận cho bà Cái Thị B diện tích 4.000m2, thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10, tại Thôn 1, xã L, thành phố V do đã cấp giấy cho bà Văn Thị M không đúng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 74/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B;

- Hủy Quyết định số 8164/UBND - TNMT ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B; Hủy Văn bản số 1258/UBND TNMT ngày 12/3/2018 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của bà Cái Thị B.

- Buộc UBND thành phố V phải thực hiện việc đăng ký, công nhận cho bà Cái Thị B diện tích đất được hưởng theo Biên bản phân chia đất gia tộc, không có tranh chấp và xem xét, xử lý GCNQSD đất số M060056 ngày 19/5/1998 cấp cho bà Văn Thị M phần liên quan đến diện tích đất công nhận cho bà Cái Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 120/2020/HC-PT ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M; hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 12/6/1991, gia tộc bà Cái Thị B đã lập Biên bản hòa giải phân chia đất gia tộc (lần một) do cha mẹ để lại.

Ngày 16/5/1998, gia tộc tiếp tục phân chia lại đất (lần 2), tất cả cùng có mặt và ký vào biên bản, theo đó diện tích 4.000m2 đất vườn tại khu vực Xóm rẫy (thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10 xã L) được chia cho bà Cái Thị B. Tuy nhiên, UBND thành phố V lại cấp giấy cho bà Văn Thị M diện tích đất 4.000m2 đã thỏa thuận chia cho bà Cái Thị B là không đúng. Nên bà Cái Thị B đã tranh chấp đất với bà Văn Thị M diện tích 4.000m2 này, UBND xã L hòa giải nhưng không thành, nên bà Cái Thị B khiếu nại về việc cấp GCNQSD đất cho bà Văn Thị M không đúng. Diện tích 4.000m2 đất ông Nguyễn Văn An là con trai bà Cái Thị B vẫn sử dụng từ trước tới nay.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân **dân thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày**:

Ủy ban nhân dân thành phố V cấp GCNQSD đất ngày 19/5/1998 đối với thửa 565, tờ bản đồ số 10, xã L, thành phố V cho bà Văn Thị M diện tích 15.243m là đúng pháp luật, căn cứ vào Biên bản phân chia đất gia tộc lần 1 lập ngày 12/6/1991 đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Quá trình cấp GCNQSD đất cho bà Văn Thị M thì không có ý kiến gì của các đương sự.

Do vậy, bà Cái Thị B yêu cầu căn cứ Biên bản hòa giải về việc phân chia đất gia tộc lập ngày 16/5/1998 để cắt trừ diện tích 4.000m2 trong GCNQSD đất của bà Văn Thị M, để cấp cho bà Cái Thị B là không có căn cứ.

[**3**] **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày**:

[3.1] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M (trước khi chết) trình bày:*

Ngày 12/6/1991 gia tộc đã lập biên bản hòa giải phân chia đất gia tộc, được UBND xã L xác nhận ngày 12/6/1991. Theo sự phân chia này, diện tích 4.000m2 đất của bà Văn Thị M. Trên cơ sở đó bà Văn Thị M được cấp GCNQSD đất, có diện tích 4.000m2 này. Đến ngày 16/5/1998, do áp lực của bà Cái Thị B, gia tộc lại tiếp tục phân chia đất lần 2. Theo đó, lần phân chia này bà Văn Thị M bị ép buộc nên không được chia 4.000m2 đất nữa, nhưng diện tích đất này bà Văn Thị M đã được cấp GCNQSD đất theo biên bản phân chia gia tộc lần 1. Do vậy, bà Văn Thị M yêu cầu giữ nguyên biên bản phân chia đất gia tộc lần 1 và GCNQSD đất đã cấp cho bà Văn Thị M. bà Văn Thị M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

[3.2] Những người thừa kế *quyền và nghĩa vụ* tố *tụng của* bà Văn Thị M gồm: Anh La Thoại Tân, chị La Thị Thùy Trang, *chị La* Thị Thu *Trinh trình bày nội dung*: Các anh chị là con ruột của bà Cáp Thị Yến. Các anh chị có kiến và yêu cầu như sau: Thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, tại xã L, TP Vũng Tàu do ông Cái Văn Dậu và bà Huỳnh Thị Nho để lại cho vợ chồng bà Văn Thị M từ trước năm 1975. Hồ sơ xin cấp GCNQSD đất thể hiện rõ nội dung này. Thửa đất này hoàn toàn không nằm trong phần đất được chia tại khu vực Xóm Rẫy theo Biên bản họp gia tộc năm 1991 và biên bản hòa giải về việc phân chia đất gia tộc 1998. Từ trước 1975 đến nay, gia đình bà Văn Thị M sử dụng thửa đất này liên tục và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

[3.3] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cái Văn Ty trình bày tại Đơn đề ngày 30/12/2021 gửi Tòa án như sau: Suốt chín 09 năm (từ năm 2014 đến năm 2019) là khoảng thời gian bà nội ông Ty (bà Cái Thị B) gửi đơn khắp các cơ quan Tòa án các cấp để nghị xem xét, giải quyết buộc bà Văn Thị M trả lại 04 sào đất rẫy tọa lạc tại thôn 1, xã L; phần đất này do gia tộc phân chia cho bà Cái Thị B được hưởng và hơn 23 năm qua bà Cái Thị B giao cho con trai trưởng (Nguyễn Văn An) trực tiếp quản lý, sử dụng 04 sào đất này; do biết rõ 4 sào đất này là do gia tộc cho bà Cái Thị B được hưởng, nên suốt thời gian bà Cái Thị B gửi đơn nhờ các cơ quan đến vụ giải quyết, ông Cái Văn Ty không ký bất cứ giấy tờ gì liên quan án này.

[3.4] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cái Văn Phong, ông Cái Văn Tỷ, ông Cải Văn Hùng, bà Cái Thị Oanh, bà Cái Thị T, bà Cái Thị Đông, bà Cái Thị Ty trình bày:*

Thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, tại xã L, TP Vũng Tàu do ông Cái Văn Dậu và bà Huỳnh Thị Nho để lại cho vợ chồng bà Văn Thị M từ trước năm 1975. Hồ sơ xin cấp đất thể hiện rõ nội dung này. Thửa đất này hoàn toàn không nằm trong phần đất được chia tại khu vực Xóm Rẫy theo biên bản họp gia tộc năm 1991 và biên bản hòa giải về việc phân chia đất gia tộc 1998. Từ trước 1975 đến nay, gia đình bà Văn Thị M sử dụng thửa đất này liên tục và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Vì vậy, bà Cái Thị B khởi kiện, yêu cầu UBND TP Vũng Tàu phải cấp GCNQSD đất theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 16/5/1998, theo đó phải điều chỉnh công, nhận cho bà Cái Thị B diện tích 4.000m, thuộc một phần thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1, xã L, TP. Vũng Tàu đã cấp cho bà Văn Thị M là hoàn toàn không có cơ sở. bà Cái Thị B hoàn toàn không liên quan và quyền lợi gì đối với thửa đất trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

[3.5] *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn An trình bày tại như sau:* Ông Nguyễn Văn An là con bà Cái Thị B, diện tích đất khoảng 4.000m, thuộc một phần thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1, xã L, TP. Vũng Tàu là của bà Cái Thị B được chia, bà Cái Thị B giao cho ông Nguyễn Văn An trực tiếp quản lý, sử dụng; không có ai sử dụng ngoài ông An và bà Cái Thị B, ông An đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Áp dụng: Khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26 Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B:

- Hủy một phần Quyết định số 8164/*UBND* - TNMT ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Cái Thị B và Hủy một phần Văn bản số 1258/UBND - TNMT ngày 12/3/2018 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của bà Cái Thị B đối với phần đất đang tranh chấp thừa kế còn lại thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10, tại Thôn 1, xã L, thành phố V (Đã trừ phần diện tích đất 10.627m2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 060056 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Trung ngày 28/4/2004).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 060056 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 19/5/1998 cho bà Văn Thị M đối với diện tích đất còn lại 4.616m2 thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10, tại Thôn 1, xã L thành phố V (Đã trừ diện tích đất 10.627m, thuộc một phần thửa 565, tờ bản đồ số 10, tại Thôn 1, xã L thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 060056 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Trung ngày 28/4/2004), để Ủy ban nhân dân thành phố V giải quyết đúng quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Cái Thị B về việc: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 16/5/1998, phải điều chỉnh công nhận cho bà Cái Thị B diện

tích 4.000m, thuộc một phần thửa đất số 565, tờ bản đồ số 10, tại Thôn 1, xã L, thành phố V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2022 bà Cái Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 26/01/2022 bà Cái Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 16/02/2022 Uỷ ban nhân dân thành phố V kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của bà Cái Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Uỷ ban nhân dân thành phố V có đơn xin xét xử vắng mặt - được xem như người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Cái Thị T vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính; các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về kháng cáo của các đương sự: .Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, Uỷ ban nhân dân thành phố V có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản rút kháng cáo được xem như người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Cái Thị T vắng mặt không rõ lý do, phiên toà trước bà Cái Thị T có mặt nên Toà xử vắng mặt bà Cái Thị T và vẫn xem xét kháng cáo của bà Cái Thị T. Như vậy phiên toà phúc thẩm xem xét kháng cáo của bà Cái Thị B, bà Cái Thị T và kháng cáo của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V.

Về nội dung:

[1] Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy: Tại bản án hành chính phúc thẩm số 120/2020/HCPT ngày 18/5/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh huỷ bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với nhận định: Từ năm 2014 bà Cái Thị B đã có tranh chấp với bà Văn Thị M phần đất 4.000m^2 tại thửa 565. bà Cái Thị B đã nộp đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Văn Thị M tại Toà án nhân dân thành phố V, nội dung là yêu cầu công nhận 4.000m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp

cho bà Văn Thị M cho bà khi có phát sinh giao dịch mới là phân chia di sản thừa kế.

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải được xác định ngay từ đầu là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu xem xét quyết định hành chính cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện theo trình tự tố tụng dân sự thì mới giải quyết toàn diện vụ án. Tuy nhiên khi thụ lý lại Toà sơ thẩm đã giải thích nhưng bà Cái Thị B không khởi kiện vụ án dân sự mà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Quyết định 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và yêu cầu Uỷ ban nhân dân thành phố V phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản phân chia tài sản lập ngày 16/5/1998 theo đó công nhận cho bà Cái Thị B diện tích 4.000m^2.

[2] Như vậy với yêu cầu khởi kiện trên Toà sơ thẩm chỉ xem xét tính có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V. Tuy nhiên, khi xem xét giải quyết vụ án Toà sơ thẩm đã có những thiếu sót sau:

[2.1] Quyết định 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Cái Thị B. Quyết định 8164 bác khiếu nại của bà Cái Thị B, giữ nguyên công văn 1258/UBND-TNMT ngày 12/3/2018 của Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc trả lời đơn khiếu nại. Quyết định 8164/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 không có nội dung mới so với công văn trả lời. Do đó việc Toà sơ thẩm tuyên huỷ một phần Quyết định 8164 là không đúng, không tuyên rõ việc huỷ phần nào? Và thực tế quyết định giải quyết khiếu nại số 8164/QĐ-UBND chỉ có một nội dung bác đơn khiếu nại.

[2.2] Tại trang 10 bản án sơ thẩm (lần 2) nhận định: Đất trên có nguồn gốc do thừa kế để lại, không phải do bà Cái Thị B khai hoang hoặc Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho bà Cái Thị B, vì vậy cần phải xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế (quyền sử dụng đất) bằng vụ án dân sự. Nhưng tại phần quyết định của bản án hành chính sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu của bà Cái Thị B về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 460056 do Uỷ ban nhân dân thành phố V cấp cho bà Văn Thị M ngày 19/5/1998 cho thấy giữa nhận định và quyết định mâu thuẫn nhau (trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Uỷ ban nhân dân thành phố V cấp cho bà Văn Thị M không phải là đối tượng khởi kiện hành chính hay nói chính xác là bà Cái Thị B không khởi kiện yêu cầu huỷ giấy).

Như vậy việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Văn Thị M đồng nghĩa với việc huỷ toàn bộ công văn trả lời đơn số 1258 của Uỷ ban nhân dân thành phố V và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8164 của Chủ tịch

UBND thành phố V trong khi án sơ thẩm tuyên huỷ một phần là không đúng bản chất của vụ án.

[3] Do bà Cái Thị B không khởi kiện vụ án dân sự, mà khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 8164 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V.

Để có đủ căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị B cần xác minh làm rõ các yêu cầu sau:

- Căn cứ biên bản phân chia đất gia tộc năm 1991 được Uỷ ban nhân dân xã L xác nhận ngày 17/6/1991, trên cơ sở biên bản phân chia này bà Văn Thị M (*vợ ông Cái Công Khanh*) đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 15.243m^2 đất. Căn cứ nào để xác định diện tích 4.000m^2 đất mà bà Cái Thị B khiếu nại nằm trong diện tích 15.243m^2 mà bà Văn Thị M được chia?

- Trong biên bản hoà giải việc phân chia đất gia tộc ngày 16/5/1998, cần làm rõ nội dung nào trong bản phân chia trên, bà Cái Thị B được hưởng 4.000m^2 từ phần đất đã chia bà Văn Thị M. Những người ký trong biên bản phân chia ngày 16/5/1998 đã đăng ký chỉnh lý hồ sơ địa chính theo nội dung phân chia chưa? Ý kiến của họ về bản phân chia như thế nào cũng cần phải được làm rõ. Có làm rõ các nội dung trên mới có cơ sở xem xét công văn 1958 của Ủy ban nhân dân thành phố V và quyết định 8164 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trả lời và bác đơn của bà Cái Thị B đúng pháp luật không.

Từ phân tích trên cho thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm là phù hợp với chứng cứ khách quan vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Do huỷ án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2022/HCST ngày 14/01/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về Toà Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo quy định.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã cho bà Cái Thị T và Uỷ ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V theo các biên lai thu số 0000173 ngày 08/3/2022 (bà Cái Thị T); số 0000155; 0000156 cùng ngày 24/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM(1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(1);
- NKK(1);
- NBK(2);
- Lưu HS (1), VP (2) N.THUY 14b.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thành Văn